

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1402/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh lĩnh vực quốc phòng, nội vụ, tài chính, xây dựng, ngoại giao, tư pháp, ngân hàng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ tại Tờ trình số 7716/TTr-BNV ngày 20 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với 89 liệt sĩ thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Nghệ An, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thanh Hóa (danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ: Nội vụ, Công an, Quốc phòng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tại Điều 1 và Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

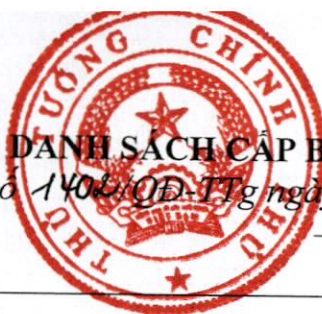
Nơi nhận:

- Thủ tướng, Phó Thủ tướng Phạm Thị Thanh Trà;
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng, Nội vụ;
- Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hà Tĩnh, Nghệ An, Ninh Bình, Quảng Ngãi, Quảng Trị, Thanh Hóa;
- VPCP: BTCN, PCN Đỗ Ngọc Huỳnh, Trợ lý TTg, Vụ NC;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

5







Phụ lục
DANH SÁCH CẤP BẰNG TỔ QUỐC GHI CÔNG
(Kèm theo Quyết định số 1402/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	T T	Họ tên	Cấp bậc, chức vụ, đơn vị	Nguyên quán/Trú quán	Ngày hy sinh	Số Bằng “Tổ quốc ghi công”
1 - BỘ CÔNG AN (01 trường hợp)						
1	1.	Nguyễn Xuân Hải	Thiếu tá, Cán bộ Công an xã Diên Lâm, Công an tỉnh Khánh Hòa	xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	21/3/2026	HPG 617ct
2 - BỘ QUỐC PHÒNG (24 trường hợp)						
2	1.	Lê Danh Ngung	Trung sĩ, nhân viên câu lạc bộ, Ban Chính trị/e275/f365 Quân chủng phòng không không quân	Xã Liên Bảo, tỉnh Bắc Ninh	16/7/1968	HPG 674bm
3	2.	Lương Văn Lít	Chiến sĩ Đại đội 3, Trung đoàn 174	Xã Liên Hội, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	02/1948	HPG 668bp
4	3.	Hoàng Văn Thái	Chiến sĩ d44, e174	Xã Liên Hội, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	6/1947	HPG 667bp
5	4.	Lành Ngọc Anh	Thượng sĩ, Trung đội phó Đại đội 7, Trung đoàn 98, Sư đoàn 473, Bộ Tư lệnh 559	Xã Bính Xá, huyện Đình Lập, tỉnh Quảng Ninh (nay là xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn)	17/10/1975	HPG 681bt
6	5.	Dương Đình Việt	Thượng sĩ, Trung đội phó Đại đội 4, Trung đoàn 98, Sư đoàn 473, Bộ Tư lệnh 559	Xã Bắc Sơn, huyện, Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn	26/9/1975	HPG 679bt
7	6.	Mã Quảng Bình	Thiếu úy, Trung đội trưởng Trung đoàn 98, Sư đoàn 473, Đoàn 559	Xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	17/10/1975	HPG 682bt
8	7.	Hồ Thanh Vân	Hạ sĩ, Chiến sĩ Trung đoàn 98, Sư đoàn 473, Bộ Tư lệnh 559	Xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	17/10/1975	HPG 680bt

9	8.	Phạm Văn Mịch	Hạ sĩ, Chiến sĩ Trung đoàn 98, f473, Bộ Tư lệnh 559	Xã Đô Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	17/10/1975	HPG 688bt
10	9.	Mai Minh Mục	Thượng sĩ, Trung đội phó c7, e98, f473, Đoàn 559	Xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá	17/10/1975	HPG 683bt
11	10.	Nguyễn Văn Xin	Binh nhất, Chiến sĩ c16, e266, f341, quân khu 4	Xã Đức Long, huyện Đức Thọ, tỉnh Nghệ Tĩnh	20/12/1977	HPG 687bt
12	11.	Nguyễn Văn Tâm	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng Tiểu đoàn 308/Tây Ninh	Xã Tân Thanh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	04/9/1968	HPG 677bm
13	12.	Nguyễn Đình Tuấn	Thiếu tá QNCCN, Phân đội trưởng xe tăng cơ động đảo Sơn Ca, Lữ đoàn 146, Vùng 4 Hải quân	Xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	27/01/2020	HPG 684bt
14	13.	Nguyễn Duy Thuận	Hạ sĩ, Chiến sĩ, Bộ phận Hậu cần, đảo Bộ, đảo Nam Yết, Lữ đoàn 146, Vùng 4, Quân chủng Hải quân	Xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang	10/11/2025	HPG 685bt
15	14.	Nguyễn Quý Nam	Thượng tá quân nhân chuyên nghiệp, nhân viên trình sát kỹ thuật	Xã Phổ Thuận, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	13/4/2026	HPG 686bt
16	15.	Đình Văn Đạt	Trung đội phó c109, d766/e66	Xã Lạc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	26/01/1954	HPG 666bp
17	16.	Nguyễn Hình	Chiến sĩ quân khu 4	Xã Hưng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	05/9/1952	HPG 670bp
18	17.	Võ Văn Mạn	Chiến sĩ sư đoàn 308	Xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	12/4/1953	HPG 672bp
19	18.	Trần Bá Độ	Chiến sĩ sư đoàn 308	Xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	17/5/1953	HPG 671bp
20	19.	Nguyễn Kim Tân	Chiến sĩ tiểu đoàn 13, tinh đội Phú Yên (cũ)	Xã Hoà Mỹ, huyện Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên	18/6/1971	HPG 676bm

21	20.	Bùi Thị Dung	Tiểu đội phó d32, Cục Tham mưu Quân khu 5	Xã Bình Trị, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	09/9/1972	HPG 673bm
22	21.	Phạm Sáu	Chiến sĩ Quân khu 5	Xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam	15/5/1968	HPG 678bm
23	22.	Lê Văn Mạnh	Trung đội trưởng Tiểu đoàn 306, Trung đoàn 2, Quân khu 9	Xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Minh Hải	07/11/1964	HPG 675bm
24	23.	Nguyễn Đình Thân	Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam	Xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	1946	HPG 669bp
25	24.	Trần Thanh Tùng	Hạ sĩ; Chiến sĩ bộ binh Đảo Đá Lớn B, Lữ đoàn 146, Vùng 4 Hải quân	Xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	14/3/2026	HPG 689bt
3 - TỈNH BẮC NINH (12 trường hợp)						
26	1.	Nguyễn Đức Hợp	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 91%	Xã Song Mai, huyện Kim Động, tỉnh Hải Dương	02/6/2025	HPG 614vt
27	2.	Nguyễn Gia Toán	Phó chủ tịch Ủy ban hành chính xã Trí Quả	Xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Hà Bắc	1950	HPG 611cp
28	3.	Nguyễn Quốc Trường	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 93%	Tổ dân phố Tường Thụy 1, phường Duy Tiên, tỉnh Ninh Bình	09/4/2024	HPG 615vt
29	4.	Giáp Văn Thích	Du kích xã	Xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	24/12/1950	HPG 607kp
30	5.	Tạ Quang Thịnh	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 93%	Xã Tam Dương, tỉnh Phú Thọ	29/3/2025	HPG 616vt
31	6.	Đàm Văn Hòa	Đội viên du kích	Xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	01/3/1952	HPG605kp
32	7.	Nguyễn Đình Tu	Đội viên du kích	Xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	21/02/1953	HPG 609kp

33	8.	Nguyễn Văn Duyên	Đội viên du kích	Xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	30/01/1950	HPG 610kp
34	9.	Lê Văn Toàn	Đội viên du kích	xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang	04/4/1953	HPG 608kp
35	10.	Dương Văn Thứ	Chiến sĩ, hạ sĩ thuộc P2	Xã Thái Sơn, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Hà Bắc	12/3/1973	HPG 612bm
36	11.	Nguyễn Văn Bộ	Chiến sĩ, hạ sĩ thuộc P2	Xã Tam Dị, huyện Lục Nam, tỉnh Hà Bắc	12/11/1967	HPG 613bm
37	12.	Dương Ngô Tước	Trưởng ban quân sự xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	11/10/1949	HPG 606kp
4 - TỈNH HÀ TĨNH (06 trường hợp)						
38	1.	Nguyễn Đình Ái	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%	Phường Nam Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	10/02/2026	HPG 621vt
39	2.	Nguyễn Xuân Dương	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%	Xã Đức An, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Đức Thịnh, tỉnh Hà Tĩnh)	01/5/2025	HPG 623vt
40	3.	Lê Văn Cồn	Công nhân xí nghiệp gạch ngói Cẩm Thành	Xã Cẩm Hà, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	18/6/1968	HPG 620cm
41	4.	Nguyễn Kim Trung	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 91%	Xã Hương Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	23/11/2025	HPG 622vt
42	5.	Võ Thanh Tùng	Chuẩn úy, Trung đội trưởng, Đại đội 14 Trung đoàn 803	Xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	06/3/1968	HPG 619bm
43	6.	Nguyễn Văn Hải	Chiến sĩ, Tiểu đoàn 33 Mặt trận B5	Xã Thạch Trung, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	25/02/1969	HPG 618bm

5 - TỈNH NGHỆ AN (21 trường hợp)						
44	1.	Đặng Xuân Bật	Thượng sĩ, Tiểu đội trưởng D4 KT	Xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	28/8/1968	HPG 647bm
45	2.	Nguyễn Đăng Sâm	Thương binh hạng ¼, tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%	Xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An	01/7/2025	HPG 658vt
46	3.	Trần Nguyên Ty	Thương binh hạng ¼, tỷ lệ tổn thương cơ thể 91%	Phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An	30/8/2025	HPG 660vt
47	4.	Vương Xuân Minh	Thương binh hạng ¼, tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%	Phường Vinh Lộc, tỉnh Nghệ An	25/10/2025	HPG 661vt
48	5.	Tạ Út	Nhân dân	Xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	02/1931	HPG 645cp
49	6.	Đặng Thạc	Đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương	Xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	3/1931	HPG 641cp
50	7.	Hoàng Nghĩa Ngọc (Tức Nguơn)	Đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương	Xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	03/3/1931	HPG 642cp
51	8.	Trần Tũ	Đảng viên Đảng cộng sản Đông Dương	Xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	05/3/1931	HPG 646cp
52	9.	Nguyễn Thư Hương (tức Nguyễn Hương)	Nhân dân	Xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	02/1931	HPG 644cp
53	10.	Nguyễn Đình Dò	Nhân dân	Xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	12/9/1930	HPG 643cp
54	11.	Nguyễn Văn Ba	Thương binh hạng ¼, tỷ lệ tổn thương cơ thể 94%	Xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	27/01/2026	HPG 659vt
55	12.	Bàng Đức Thạch	Binh nhất, Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Sư đoàn 304, D5, C7	Xã Nghĩa Thái, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	12/02/1971	HPG 648bm

56	13.	Nguyễn Vĩnh Hỷ	Hạ sĩ, Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Đại đội 1, Trung đoàn 214, Quân khu 4	Xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	29/6/1968	HPG 653bm
57	14.	Nguyễn Văn Hạng	Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam	Xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	01/3/1955	HPG 652bm
58	15.	Trần Thị Chuối	Công nhân, Đội 4, Nông trường Lê Ninh	xã Cam Giang, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	21/02/1966	HPG 657cm
59	16.	Nguyễn Đức Lý	Trung sĩ, chiến sĩ quân Quân đội nhân dân Việt Nam	Xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	22/2/1967	HPG 650bm
60	17.	Nguyễn Thị Xuân	Dân công, Phân trạm 123; Binh trạm 12	Xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	03/7/1968	HPG 655cm
61	18.	Thái Thị Xuân	Công nhân 19/8 Phòng Giao thông Diễn Châu	Xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	20/10/1966	HPG 656cm
62	19.	Trần Hữu Quyền	Binh nhất, Chiến sĩ Đại đội 9, Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 270, Sư đoàn 341	Xã Thanh Nho, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	21/8/1968	HPG 654bm
63	20.	Nguyễn Phúc Long	Chiến sĩ C309 N34	Xã Cát Ngạn, tỉnh Nghệ An	13/10/1955	HPG 651bm
64	21.	Hoàng Văn Phấn	Công nhân viên chức quốc phòng, Thuyền trưởng Binh trạm 1, Cục Hậu cần Quân khu 4	Xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	04/11/1966	HPG 649bm
6 - TỈNH NINH BÌNH (02 trường hợp)						
65	1.	Hoàng Văn Thịnh	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 96%	Xã Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng	03/7/2025	HPG 662vt
66	2.	Triệu Ngọc Thanh	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 98%	Xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	21/10/2025	HPG 663vt

7 - TỈNH QUẢNG NGÃI (02 trường hợp)						
67	1.	Hà Quang Văn	Hạ sĩ, Chiến sĩ Công an huyện Bình Sơn	Xã Bình Minh, huyện Bình Sơn, tỉnh Nghĩa Bình	24/02/1972	HPG 665cm
68	2.	Đinh Văn Hoàng	Du kích xã Sơn Dung	Xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi	1961	HPG 664km
8 - TỈNH QUẢNG TRỊ (01 trường hợp)						
69	1.	Trương Châu	Dân quân tự vệ	Thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	08/3/1947	HPG 690kp
9 - TỈNH THANH HÓA (03 trường hợp)						
70	1.	Lê Văn Tiến	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%	Xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	20/9/2025	HPG 691vt
71	2.	Nguyễn Ngọc Tần	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%	Xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	29/11/2025	HPG 693vt
72	3.	Lê Xuân Nhị	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 91%	Xã Lĩnh Toại, tỉnh Thanh Hóa	17/12/2025	HPG 692vt
10 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI (05 trường hợp)						
73	1.	Chu Công Hậu	Du kích	Xã Vật Lại, thành phố Hà Nội	24/3/1951	HPG 624kp
74	2.	Nguyễn Minh Thiêm	Hạ sĩ, học viên trường Trung cấp kỹ thuật xe	Xã Hải Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Hà	08/5/1972	HPG 626bm
75	3.	Nguyễn Ngọc Quý	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%	Xã Tản Hồng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	16/6/2025	HPG 627vt
76	4.	Nguyễn Hữu Vân	Hạ sĩ, tiểu đội phó Đại đội 5, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 36, Sư đoàn 308	Xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây	25/6/1972	HPG 625bm
77	5.	Nguyễn Văn Đức	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%	Xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	07/4/2021	HPG 628vt

11 - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (12 trường hợp)						
78	1.	An Văn Thắng	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%	Xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng	19/6/2025	HPG 638vt
79	2.	Hà Văn Lệnh	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 81%	Xã Đại Hợp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	19/01/2025	HPG 639vt
80	3.	Hoàng Minh Chiến	Thương binh hạng 1/4, tỷ lệ tổn thương cơ thể 85%	Xã Gia Lộc, thành phố Hải Phòng	30/01/2025	HPG 640vt
81	4.	Đào Đức Tường	Du kích xã	Xã Việt Hồng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương	23/4/1950	HPG 629kp
82	5.	Nguyễn Văn Thâm	Dân quân du kích	Xã Nam Hà, huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng	1948	HPG 633kp
83	6.	Phạm Văn Minh	Dân quân du kích	Xã Nam Hà, huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng	1948	HPG 636kp
84	7.	Nguyễn Văn Thụ	Dân quân du kích	Xã Nam Hà, huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng	1947	HPG 634kp
85	8.	Lê Văn Bát	Du kích	Xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	08/9/1949	HPG 631kp
86	9.	Nguyễn Văn Trạch	Du kích	Xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	01/7/1954	HPG 635kp
87	10.	Lê Văn Ôn	Du kích	Xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	1952	HPG 630kp
88	11.	Lã Văn Hới	Du kích	Xã Liên Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	5/1950	HPG 632kp
89	12.	Phạm Văn Tất	Du kích	Xã Đa Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng	29/01/1948	HPG 637kp